

Số: /SNV- LĐVL

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

V/v triển khai thực hiện Nghị quyết số
66.18/2026/NQ-CP và Quyết định số
641/QĐ-BNV thuộc lĩnh vực lao động,
việc làm, an toàn vệ sinh lao động

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Ban quản lý Khu kinh tế;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố.

Căn cứ Nghị quyết 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh; Quyết định số 641/QĐ-BNV ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ tại Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP và Thông tư số 09/2026/TT-BNV các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 997/UBND-TTPVHCC ngày 24/5/2026 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP của Chính phủ.

Sở Nội vụ triển khai, hướng dẫn các nội dung, thủ tục liên quan đến lĩnh vực lao động, việc làm và an toàn vệ sinh lao động cụ thể như sau:

I. ĐỐI VỚI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước

1.1. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ: Chuẩn bị nguồn lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Từ ngày 01/7/2026 đến 28/02/2027).

1.2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung: Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập đối với doanh nghiệp Việt Nam đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề.

a) Trình tự thực hiện và thời hạn giải quyết:

- Doanh nghiệp đưa người lao động Việt Nam đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ tại điểm A.VII Mục 1 Phụ lục I.7 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP đăng ký trực tuyến trên

Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính kiểm tra hồ sơ, tra cứu thông tin về giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì yêu cầu doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nộp bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính phải trả lời bằng văn bản cho doanh nghiệp; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến.

c) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập (theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BNV);

- Bản sao hợp đồng nhận lao động thực tập kèm theo bản dịch tiếng Việt;

- Tài liệu chứng minh việc đưa người lao động Việt Nam đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước tiếp nhận lao động.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Doanh nghiệp chỉ phải nộp thành phần hồ sơ này khi cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không khai thác được đầy đủ, chính xác thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp).

2. Lĩnh vực Lao động - Tiền lương

2.1. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ: Cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động (Từ ngày 01/7/2026 đến 28/02/2027).

2.2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung: Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động (Từ ngày 01/7/2026 đến 28/02/2027).

a) Doanh nghiệp cho thuê lại lao động rút tiền ký quỹ khi doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp sau:

- Doanh nghiệp cho thuê lại lao động gặp khó khăn, không đủ nguồn tài chính để thanh toán đủ tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các chế độ khác đối với người lao động thuê lại theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, nội quy, quy chế của doanh nghiệp cho thuê lại lao động sau thời hạn 30 ngày kể từ ngày đến thời hạn thanh toán theo quy định của pháp luật;

- Doanh nghiệp cho thuê lại lao động gặp khó khăn, không đủ khả năng bồi thường cho người lao động thuê lại do vi phạm hợp đồng lao động đối với người lao động thuê lại hoặc gây thiệt hại cho người lao động thuê lại vì không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động thuê lại sau thời hạn 60 ngày kể từ ngày đến thời hạn bồi thường theo quy định của pháp luật;

- Doanh nghiệp chấm dứt hoạt động cho thuê lại lao động;

- Doanh nghiệp cho thuê lại lao động đã thực hiện ký quỹ tại một ngân hàng nhận ký quỹ khác.

b) Trình tự và thời hạn thực hiện

Doanh nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công; thời hạn thực hiện 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với việc chấp thuận rút tiền ký quỹ.

c) Hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho rút tiền ký quỹ gửi đến Sở Nội vụ

- Văn bản đề nghị rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động.

- Phương án sử dụng số tiền rút từ tài khoản ký quỹ, gồm: lý do, mục đích rút tiền ký quỹ; danh sách, số lượng người lao động, số tiền, thời gian, phương thức thanh toán đối với trường hợp rút tiền ký quỹ quy định tại các điểm C.VII.1.a và C.VII.1.b Mục 1 Phụ lục I.4 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQCP, cụ thể như sau: (1) doanh nghiệp cho thuê lại lao động gặp khó khăn, không đủ nguồn tài chính để thanh toán đủ tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các chế độ khác đối với người lao động thuê lại theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, nội quy, quy chế của doanh nghiệp cho thuê lại lao động sau thời hạn 30 ngày kể từ ngày đến thời hạn thanh toán theo quy định của pháp luật; (2) doanh nghiệp cho thuê lại lao động gặp khó khăn, không đủ khả năng bồi thường cho người lao động thuê lại do vi phạm hợp đồng lao động đối với người lao động thuê lại hoặc gây thiệt hại cho người lao động thuê lại vì không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động thuê lại sau thời hạn 60 ngày kể từ ngày đến thời hạn bồi thường theo quy định của pháp luật.

- Báo cáo việc hoàn thành nghĩa vụ và văn bản chứng minh việc hoàn thành nghĩa vụ đối với người lao động thuê lại trong trường hợp rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp chấm dứt hoạt động cho thuê lại lao động.

- Giấy chứng nhận tiền ký quỹ hoạt động cho thuê lại lao động đối với trường hợp rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động đã thực hiện ký quỹ tại một ngân hàng nhận ký quỹ khác.

2.3. Thực hiện hoạt động cho thuê lại lao động đảm bảo theo quy định của pháp luật

a) Doanh nghiệp cho thuê lại lao động hoạt động đảm bảo nguyên tắc theo quy định tại khoản 4 Điều 53 Bộ Luật lao động số 45/2019/QH14: Bên thuê lại lao động không được chuyển người lao động thuê lại cho người sử dụng lao động khác; không được sử dụng người lao động thuê lại được cung cấp bởi doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp cho thuê lại lao động.

b) Doanh nghiệp cho thuê lại lao động thực hiện thông báo hoạt động cho thuê lại lao động như sau:

- Doanh nghiệp gửi thông báo hoạt động cho thuê lại lao động theo hình thức trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Nội vụ nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và nơi doanh nghiệp có chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có).

- Thông báo hoạt động cho thuê lại lao động gồm các thông tin: Tên doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp, ngân hàng nhận ký quỹ, địa chỉ ngân hàng nhận ký quỹ, số hợp đồng ký quỹ, ngày bắt đầu hoạt động cho thuê lại lao động. Trường hợp các thông tin này thay đổi, doanh nghiệp cho thuê lại lao động gửi thông báo cập nhật cho Sở Nội vụ nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và nơi doanh nghiệp có chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có).

c) Doanh nghiệp cho thuê lại lao động thực hiện thông báo chấm dứt hoạt động cho thuê lại như sau:

- Doanh nghiệp gửi thông báo chấm dứt hoạt động cho thuê lại lao động theo hình thức trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Sở Nội vụ nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và nơi doanh nghiệp có chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có).

- Thông báo chấm dứt hoạt động cho thuê lại lao động gồm các thông tin: Tên doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp, số hợp đồng cho thuê lại lao động đang thực hiện, số lao động cho thuê lại đang thực hiện các hợp đồng cho thuê lại lao động; ngày chấm dứt hoạt động cho thuê lại lao động.

d) Doanh nghiệp cho thuê lại lao động thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 31 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP như sau:

- Định kỳ hằng quý (trước ngày 05 của tháng đầu quý), doanh nghiệp phải báo cáo tình hình cho thuê lại lao động đến Sở Nội vụ nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, đồng thời báo cáo Sở Nội vụ nơi doanh nghiệp đến hoạt động cho thuê lại lao động theo Mẫu số 03 Phụ lục I.4 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động cho thuê lại lao động, doanh nghiệp cho thuê lại lao động thực hiện thanh lý toàn bộ các hợp đồng cho thuê lại lao động đang thực hiện, giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động thuê lại và bên thuê lại theo quy định của pháp luật lao động.

- Kịp thời báo cáo những trường hợp xảy ra sự cố liên quan đến hoạt động cho thuê lại lao động cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về lao động.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 và Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.

đ) Các doanh nghiệp có giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động còn hiệu lực tiếp tục hoạt động cho thuê lại lao động sau ngày Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP có hiệu lực thì không phải thực hiện thông báo hoạt động cho thuê lại lao động.

2.3. Điều kiện kinh doanh

Hoạt động cho thuê lại lao động chỉ được thực hiện bởi các doanh nghiệp cho thuê lại lao động và áp dụng đối với một số công việc nhất định (Danh mục công việc được thực hiện cho thuê lại lao động được quy định tại Điều 30 và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động).

3. Lĩnh vực việc làm

3.1. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ: Cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm và rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm (Từ ngày 01/7/2026 đến 28/02/2027).

3.2. Thực hiện hoạt động dịch vụ việc làm thực hiện đảm bảo theo quy định của pháp luật

a) Doanh nghiệp thực hiện thông báo hoạt động dịch vụ việc làm quy định tại Điều 22 Nghị định số 352/2025/NĐ-CP

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu hoạt động dịch vụ việc làm, doanh nghiệp thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng về địa điểm, lĩnh vực hoạt động, tên người đại diện theo pháp luật thực hiện hoạt động dịch vụ việc làm, trang thông tin điện tử (website) (nếu có), email, số điện thoại liên hệ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc trước ngày bắt đầu hoạt động dịch vụ việc làm hoặc chấm dứt hoạt động dịch vụ việc làm, doanh nghiệp thông báo cho Sở Nội vụ nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính thông qua Sàn giao dịch việc làm quốc gia.

- Trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, doanh nghiệp phải có văn bản gửi Sở Nội vụ nơi đặt trụ sở chi nhánh về địa điểm mới trong thời hạn 10 ngày làm việc, trước ngày thực hiện chuyển địa điểm.

b) Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm đang thực hiện ký quỹ để hoạt động dịch vụ việc làm được rút tiền ký quỹ tại ngân hàng nhận ký quỹ mà không phải có văn bản đồng ý việc rút tiền ký quỹ của

cơ quan có thẩm quyền nơi đặt trụ sở chính thực hiện hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp.

c) Các nội dung khác và định kỳ báo cáo 06 tháng (trước ngày 20/6) và năm (trước ngày 20/12), báo cáo kết quả hoạt động dịch vụ việc làm đến Sở nội vụ thông qua sàn giao dịch việc làm quốc gia theo mẫu số 02 phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 352/2025/NĐ-CP đề nghị thực hiện theo mục III và V phần D của Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.

3.3. Điều kiện kinh doanh

- Hoạt động kinh doanh dịch vụ việc làm theo phương thức thương mại điện tử theo quy định khoản 4 Điều 27 Luật Việc làm số 74/2025/QH15 chỉ được thực hiện bởi doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm khi bảo đảm các điều kiện theo quy định của pháp luật về thương mại điện tử.

- Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm theo quy định tại Điều 28 Luật Việc làm số 75/2025/QH15 cần thực hiện:

+ Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm là doanh nghiệp được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và thực hiện thông báo cho cơ quan chuyên môn về việc làm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính trước khi thực hiện hoạt động dịch vụ việc làm.

+ Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm được thành lập chi nhánh và phải thực hiện thông báo cho cơ quan chuyên môn về việc làm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính trước khi thực hiện hoạt động dịch vụ việc làm.

+ Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm tự định giá và thực hiện niêm yết giá dịch vụ việc làm theo quy định của pháp luật về giá.

4. Lĩnh vực An toàn, vệ sinh lao động

4.1. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ: Có hiệu lực từ 01/7/2026 đến 28/02/2027:

- Khai báo với Sở Nội vụ khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

- Xem xét, đánh giá điều kiện hoạt động của doanh nghiệp tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.

- Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập).

- Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc

Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập).

4.2. Điều kiện kinh doanh

- Các tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại khoản 7 Điều 14 Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 trước khi bắt đầu hoạt động cung cấp dịch vụ huấn luyện, khi có thay đổi về địa chỉ trụ sở, khi chấm dứt hoạt động huấn luyện, khi có nhu cầu thay đổi đối tượng huấn luyện, phạm vi huấn luyện, hạng huấn luyện có trách nhiệm thông báo về hoạt động cung cấp dịch vụ huấn luyện theo quy định tại điểm 1 khoản B.III mục 2 Phụ lục I.4 Nghị quyết.

- Trong quá trình hoạt động cung cấp dịch vụ huấn luyện, tổ chức huấn luyện và doanh nghiệp tự huấn luyện phải đảm bảo các nội dung về nhân sự, tổ chức huấn luyện, quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài liệu huấn luyện, xây dựng và thực hiện quy trình quản lý chất lượng huấn luyện theo yêu cầu tại điểm 2 khoản B.III mục 2 Phụ lục I.4 Nghị quyết.

- Khi tổ chức từng lớp huấn luyện, tổ chức huấn luyện và doanh nghiệp tự huấn luyện phải đảm bảo yêu cầu về địa điểm huấn luyện, bố trí người huấn luyện, sử dụng tài liệu huấn luyện, trang thiết bị, phương tiện, mô hình, dụng cụ phục vụ huấn luyện, tổ chức và quản lý lớp huấn luyện, người huấn luyện, thực hiện kiểm tra, đánh giá kết quả huấn luyện và lưu trữ hồ sơ đảm bảo các nội dung yêu cầu tại điểm 3 khoản B.III mục 2 Phụ lục I.4 Nghị quyết.

- Đối tượng, nội dung, thời gian, chương trình huấn luyện; định kỳ huấn luyện; huấn luyện đột xuất; tiêu chuẩn người huấn luyện; yêu cầu bảo đảm khi cung cấp dịch vụ huấn luyện, tự huấn luyện; quản lý hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động thực hiện theo quy định của Chính phủ.

II. ĐỐI VỚI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

- Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung: Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết

- Nội dung sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý: Thực hiện theo Quyết định số 641/QĐ-BNV ngày 09/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nội vụ uy định tại Nghị quyết số 66.18/2026/NQCP và Thông tư số 09/2026/TT-BNV các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

- Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn>.

- Thời hạn thực hiện TTHC: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- Nơi thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của người lao động.

Trên đây là hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 66.18/2026/NQCP và Quyết định số 641/QĐ-BNV. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ (Phòng Lao động-Việc làm) để được hướng dẫn hoặc đề xuất, báo cáo UBND thành phố có ý kiến đề cấp có thẩm quyền xử lý./.

Gửi kèm theo Nghị quyết 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ và Phụ lục I.4 ban hành kèm theo; Quyết định 641/QĐ-BNV ngày 09/6/20026 của Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ tại Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP).

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND TP (để b/c);
- Sở Tài chính;
- Giám đốc;
- PGĐ Bùi Quốc Trình;
- TTDVVL TP;
- Phòng LĐVL;
- Lưu: VT, Ng.T.T.Huyền.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bùi Quốc Trình